

Bản án số: 467/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-12-2022
v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du
Ông Trần Đức Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thoảng là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:
Bà Đoàn Thị Xuân Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 376/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm: 1997. Địa chỉ: Tổ 2, Khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Thái Đình T1, sinh năm: 1996. Địa chỉ: Số 112 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/9/2022, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Thái Đình T1 kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà ba mẹ chồng ở địa chỉ: Số 112 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên gần đây vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn và trầm trọng nhất vào tháng 5/2022. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ đó cho đến nay. Do mâu

thuần vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Thái Đình T1 .

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hoài T xác định vợ chồng bà có 01 con chung là Thái Đình Phúc L, sinh ngày: 06/01/2020. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Thái Đình T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hoài T xác định vợ chồng không có.

Đối với bị đơn ông Thái Đình T1 : Quá trình giải quyết vụ án, ông Thái Đình T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Thái Đình T1 vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T . Tuy nhiên, tại phiên tòa ông T1 có mặt và trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Hoài T tự nguyện kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà ba mẹ ông ở địa chỉ: Số 112 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống thì ông nhận thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý, mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung là Thái Đình Phúc L, sinh ngày: 06/01/2020. Trường hợp ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà Nguyễn Thị Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng, do cháu L bị bệnh tim bẩm sinh nên ông sẽ cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Thái Đình T1 xác định vợ chồng không có.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hoài T đối với ông Thái Đình T1 .

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Thái Đình Phúc L, sinh ngày: 06/01/2020 cho bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Thái Đình T1 cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hoài T xác định vợ chồng không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hoài T , ông Thái Đình T1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/9/2022 thì nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn đề xin ly hôn và nuôi con, không có tài sản chung và nợ chung. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Thái Đình T1 có địa chỉ tại: Số 112 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[3] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T .

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân:

[4.1] Bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Thái Đình T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 156/2019, đăng ký ngày 08/10/2019. Do đó, hôn nhân giữa ông Thái Đình T1 và bà Nguyễn Thị Hoài T là hợp pháp, được nhà nước công nhận và bảo vệ.

[4.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hoài T , HĐXX nhận thấy: Tại phiên tòa, ông Thái Đình T1 trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn, không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, ông không có động thái, hành động hay bất kỳ biện pháp nào để hàn gắn với bà T . Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Thái Đình T1 vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng hay để Tòa án tiến hành hòa giải. Điều này chứng tỏ ông Thái Đình T1 bỏ mặc, không quan tâm và không muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà Nguyễn Thị Hoài T . Theo xác minh tại nơi cư trú của ông Thái Đình T1 , bà Nguyễn Thị Hoài T và theo đơn xin xác nhận đề ngày 30/12/2022 của bà

Nguyễn Thị Hoài T do UBND phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước xác nhận đều thể hiện: Từ tháng 05/2022 cho đến nay, bà T cùng con chung là cháu Thái Đình Phúc L đang sinh sống tại: Tổ 2, Khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Như vậy, vợ chồng bà T và ông T1 đã sống ly thân mỗi người một nơi phần ai nấy sống từ tháng 05/2022 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Thái Đình T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Hoài T được ly hôn với ông Thái Đình T1 .

[5] Về con chung:

[5.1] Bà Nguyễn Thị Hoài T xác định vợ chồng có 01 con chung là Thái Đình Phúc L, sinh ngày: 06/01/2020. Xét yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của nguyên đơn, HĐXX nhận thấy: Cháu Thái Đình Phúc L hiện còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của mẹ. Đồng thời, ông T1 cũng đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, HĐXX xét thấy việc giao cháu L cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý và đảm bảo quyền, lợi ích về mọi mặt cũng như để ổn định cuộc sống của cháu. Do đó, căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hoài T về việc giao con chung Thái Đình Phúc L cho bà trực tiếp nuôi dưỡng.

[5.2] Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông Thái Đình T1 cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, ông Thái Đình T1 đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/ tháng trong trường hợp ly hôn. Xét thấy: Cháu L bị bệnh lý tim một tâm thất nên việc cấp dưỡng nuôi con là cần thiết. Do đó, HĐXX buộc ông Thái Đình T1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5.3] Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, ông Thái Đình T1 và bà Nguyễn Thị Hoài T đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hoài T xác định vợ chồng không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án: HĐXX nhận thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phù hợp với phân tích nêu trên nên HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội . Bị đơn

ông Thái Đình T1 phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 56, 81, 82, 83, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoài T đối với ông Thái Đình T1 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Hoài T được ly hôn với ông Thái Đình T1 .

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 156/2019, đăng ký ngày 08/10/2019 tại UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng).

2. Về con chung:

Giao con chung Thái Đình Phúc L, sinh ngày: 06/01/2020 cho bà Nguyễn Thị Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Thái Đình T1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hoài T xác định vợ chồng không có.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hoài T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002105 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm

Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị Hoài T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Thái Đình T1 phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

5. Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND p. Hòa An;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Ngô Thị Thanh Tuyên